

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Biểu mẫu 03/SCM-KSTT

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:
.....

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI HOẶC DỰ KIẾN KHI BAN HÀNH MỚI

ST T	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ / 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTH C (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/0 1 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1	Hoạt động 1	2.0	17,310			1	10	34,620	346,200	
		Hoạt động n	1.0		50,00 0		1	10	50,000	500,000	

[illegible]

		Hoạt động 1	4.0	17,310			1	10	69,240	692,400	
		Hoạt động 2	0.0				1	10	0	0	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0				1	10	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	2.0	17,310			1	10	34,620	346,200	
		Bưu điện	0.0				1	10	0	0	
		Internet	0.0				1	10	0	0	
		Khác	0.0				1	10	0	0	
	TỔNG				105,000	2,000			297,410	2,974,100	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

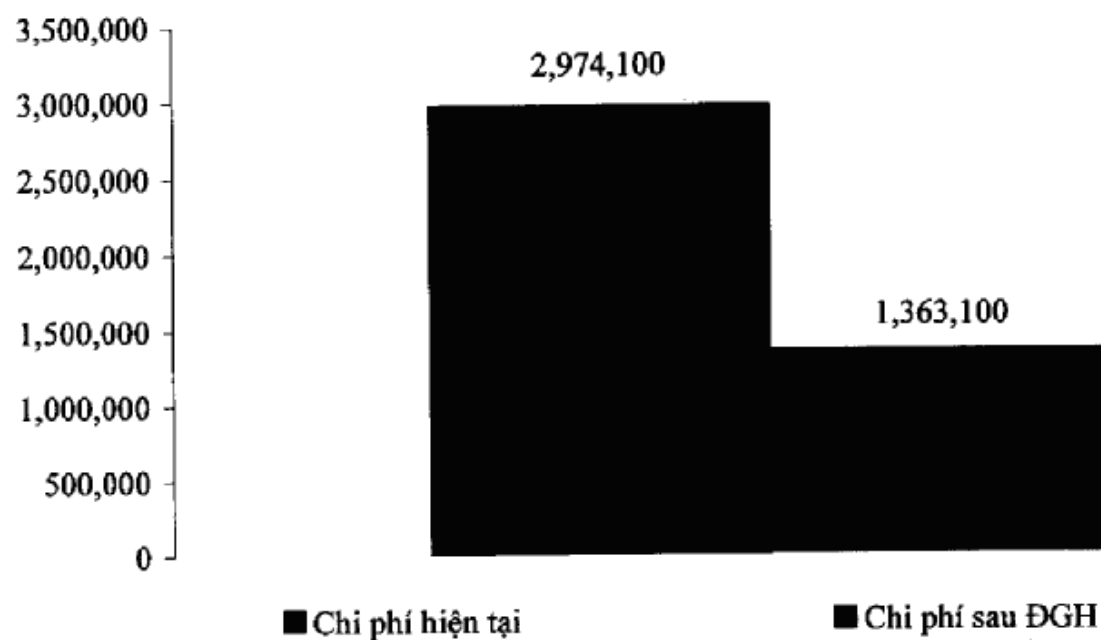
ST T	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ / 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTH C (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
------	----------------------------------	---	---------------------------	-----------------------------------	-------------------------------	--------------------------------------	--------------------------	-------------------------------------	--------------------------------	--	---------

					vụ (đồng)						
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1	Hoạt động 1	1.0	17,310			1	10	17,310	173,100	
		Hoạt động n	1.0		50,000		1	10	50,000	500,000	
1.n	Thành phần HS n	Hoạt động 1	1.0		1,000		1	10	1,000	10,000	
		Hoạt động n	1.0		4,000		1	10	4,000	40,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	0.0	17,310			1	10	0	0	
		Bưu điện	1.0		8,000		1	10	8,000	80,000	
		Internet	0.0				1	10	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác					1,000	1	10	1,000	10,000	
3.1	Phí		0.0			1,000	1	10	1,000	10,000	
3.2	Lệ phí		0.0	17,310	50,000		1	10	50,000	500,000	

3.3	Chi phí khác						1	10	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Hoạt động 1	0.0	17,310			1	10	0	0	
		Hoạt động 2	0.0				1	10	0	0	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0				1	10	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	0.0	17,310			1	10	0	0	
		Bưu điện	0.5	8,000			1	10	4,000	40,000	
		Internet	0.0				1	10	0	0	
		Khác	0.0				1	10	0	0	
	TỔNG				113,000	2,000			136,310	1,363,100	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đậm) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu nhạt) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung

*** Ghi chú: Số liệu trong Bảng tính chỉ mang tính chất minh họa.**